22 (Để đăng công thông tin điện tử - VBHCN)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH[1]
Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch

Thông tư số liên tịch số 58/2008/TTLT-BTC-BTN&MT ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch, có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư liên tịch số 204/2010/TTLT-BTC-BTN&MT ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và môi trường sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư liên tịch số 58/2008/TTLT-BTC-BTN&MT ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch, có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

Căn cứ Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách, cơ chế tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch (sau đây gọi là dự án CDM), liên tịch Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn cụ thể một số quy định như sau[2]*:*

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 02 Thông tư liên tịch sau:
- Thông tư số liên tịch số 58/2008/TTLT-BTC-BTN&MT ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2008;
- Thông tư liên tịch số 204/2010/TTLT-BTC-BTN&MT ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và môi trường sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư liên tịch số 58/2008/TTLT-BTC-BTN&MT ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2011.
Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Thông tư liên tịch nêu trên.

[2] Thông tư liên tịch số 204/2010/TTLT-BTC-BTN&MT ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và môi trường sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư liên

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này hướng dẫn việc thu, nộp, quản lý, sử dụng tiền thu lệ phí bán Chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (sau đây gọi là CERs); việc quản lý CERs thu được từ dự án CDM sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (sau đây gọi là ODA); việc trợ giá đối với sản phẩm của dự án CDM quy định tại các Điều 5, Điều 9, Điều 16 Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách, cơ chế tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch (sau đây gọi là Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg).

2. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày được cấp, nhận, thực hiện việc phân chia CERs, chủ sở hữu CERs phải báo cáo với Bộ Tài nguyên và Môi trường và đăng ký với Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam về đầu mối tiếp nhận CERs, số lượng CER được cấp, đã nhận, đã phân chia giữa các nhà đầu tư xây dựng và thực hiện dự án CDM.

Trường hợp có thay đổi về nội dung đã báo cáo hoặc đăng ký thì chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày có sự thay đổi, nhà đầu tư xây dựng và thực hiện dự án CDM (sau đây gọi là nhà đầu tư) phải thực hiện việc báo cáo, đăng ký lại.

3.[3] Chủ sở hữu CERs khi bán hoặc chuyển CERs về nước (đối với nhà đầu tư nước ngoài) phải báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam và hoàn thành nộp lệ phí bán CERs chậm nhất sau 15 ngày

---

tịch số 58/2008/TTLT-BTC-BTN&MT ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách, cơ chế tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch (sau đây gọi là dự án CDM);

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 1843/VPCP-QHQT ngày 23/3/2010 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng cơ chế tài chính liên quan đến việc mua bán chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) đối với các dự án CDM sử dụng vốn ODA cho vay lại qua ngân hàng và trả lãi suất. Liên tịch Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Thông tư liên tịch số 58/2008/TTLT-BTC-BTN&MT ngày 4/7/2008 của liên Bộ Tài chính, Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 58/2008/TTLT-BTC-BTN&MT) như sau:"

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 204/2010/TTLT-BTC-BTN&MT ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và môi trường sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư liên tịch số 58/2008/TTLT-BTC-BTN&MT ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2011.

làm việc kể từ ngày chuyển CERs cho bên mua hoặc chuyển CERs về nước. Đối với các dự án CDM có sử dụng vốn ODA, CERs thu được được quản lý, sử dụng như sau:

3.1. Đối với các dự án CDM sử dụng vốn ODA được cấp phát toàn bộ từ ngân sách nhà nước, CERs thu được thuộc sở hữu của Nhà nước. Nhà đầu tư thực hiện dự án có trách nhiệm bán và nộp vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam toàn bộ số tiền bán CERs sau khi trừ chi phí bán (nếu có).

3.2. Đối với các dự án CDM sử dụng vốn ODA vay lại toàn bộ từ các tổ chức tín dụng trong nước hoặc vay lại trực tiếp từ Bộ Tài chính, cơ quan được Bộ Tài chính uỷ quyền cho vay lại; CERs thu được thuộc sở hữu của nhà đầu tư.

3.3. Đối với các dự án CDM có sử dụng một phần vốn ODA được cấp phát từ ngân sách nhà nước, phần còn lại là vốn tự có hoặc vốn tự huy động của doanh nghiệp, vốn ODA mà doanh nghiệp được vay lại từ ngân hàng thương mại hoặc vay lại trực tiếp từ Bộ Tài chính, cơ quan được Bộ Tài chính uỷ quyền cho vay lại thì CERs thu được từ dự án CDM được phân chia giữa nhà nước và nhà đầu tư theo tỷ lệ tương ứng giữa vốn được cấp phát từ ngân sách nhà nước và phần vốn còn lại để đầu tư dự án CDM.

CERs được phân chia tương ứng với phần vốn ODA được cấp phát từ ngân sách nhà nước thuộc sở hữu nhà nước. Nhà đầu tư thực hiện dự án có trách nhiệm bán và nộp vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam toàn bộ số tiền bán CERs thuộc sở hữu nhà nước sau khi trừ chi phí bán (nếu có).

4. Sản phẩm của dự án CDM có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg được trợ giá theo hướng dẫn tại Mục III Thông tư này. Nhà đầu tư là chủ sở hữu CERs được cấp từ dự án CDM có sản phẩm được trợ giá phải nộp lệ phí bán CERs theo hướng dẫn tại Mục II Thông tư này.

5. Trường hợp Điều ước quốc tế mà Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định tại Thông tư này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó. Việc áp dụng Điều ước quốc tế được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh về ký kết và thực hiện Điều ước quốc tế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

6.[4] Đối với các dự án CDM dạng hoạt động chương trình theo CDM (tên viết tắt tiếng anh là PoA), Nhà đầu tư và xây dựng dự án CDM thành phần tham gia Chương trình có trách nhiệm nộp phí quản lý cho cơ quan, đơn vị thực hiện điều phối chương trình theo thoả thuận trong hợp đồng hợp tác giữa các bên,

---

[4] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 204/2010/TTLT-BTC-BTN&MT của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và môi trường sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư liên tịch số 58/2008/TTLT-BTC-BTN&MT ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2011.

nộp lệ phí bán CERs theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2008/TTLT-BTC-BTN&MT và Thông tư này.

II. THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG LỆ PHÍ BÁN CERs

1. Đối tượng chịu lệ phí bán CERs là các giảm phát thải đã được cấp, bán theo hợp đồng đã ký kết hoặc chuyển về nước.

2. Mức thu lệ phí bán CERs:

Mức thu lệ phí bán CERs tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số tiền bán CERs theo hợp đồng đã ký kết hoặc giá trị của CERs mà nhà đầu tư nước ngoài chuyển về nước, áp dụng đối với từng dự án CDM thuộc các lĩnh vực sau:

Số TT	Lĩnh vực xây dựng, đầu tư thực hiện dự án	Mức thu
1	Nâng cao hiệu quả sử dụng, bảo tồn và tiết kiệm năng lượng.	1,2%
2	Khai thác, ứng dụng các nguồn năng lượng tái tạo.	1,2%
3	Trồng rừng, tái trồng rừng, bảo vệ rừng để tăng khả năng hấp thụ, giảm phát thải khí nhà kính.	1,2%
4	Chuyển đổi sử dụng nhiên liệu hoá thạch nhằm giảm phát thải khí nhà kính.	1,5%
5	Thu hồi khí mêtan (CH_4) từ các bãi chôn lấp rác thải, từ các hầm khai thác than để tiêu huỷ hoặc sử dụng cho phát điện, sinh hoạt.	1,5%
6	Giảm phát thải khí mêtan (CH_4) từ các hoạt động trồng trọt và chăn nuôi, ứng dụng khí sinh học.	1,5%
7	Thu hồi và sử dụng khí đốt đồng hành từ các mỏ khai thác dầu.	2%
8	Các lĩnh vực khác mang lại kết quả giảm phát thải khí nhà kính.	2%

3.[5] Số tiền lệ phí bán CERs phải nộp được xác định như sau:

Số tiền lệ phí bán CERs phải nộp (đồng)	=	*Mức thu lệ phí bán CERs (%)*	x	*Số lượng CER bán hoặc chuyển về nước*	x	*Giá bán CER (đồng/CER)*

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 204/2010/TTLT-BTC-BTN&MT ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và môi trường sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư liên tịch số 58/2008/TTLT-BTC-BTN&MT ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2011.

Số lượng và giá bán CER được xác định căn cứ vào hợp đồng mua bán CERs được ký kết. Trường hợp chủ sở hữu CERs không bán mà chuyển CERs về nước thì số lượng CER để tính lệ phí là số lượng CER thực tế được chủ sở hữu CERs chuyển về nước, giá CER để xác định số tiền lệ phí phải nộp được căn cứ vào giá thị trường tại thời điểm chuyển CERs về nước.

4. Thu, nộp lệ phí bán CERs

4.1.[6] *Chủ sở hữu CERs có trách nhiệm kê khai lượng CER bán hoặc chuyển về nước, tự tính và kê khai số tiền lệ phí phải nộp (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này); chậm nhất sau 15 ngày làm việc kể từ ngày chuyển CERs cho bên mua hoặc chuyển CERs về nước, thực hiện nộp lệ phí bán CERs vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo đúng số liệu đã kê khai.*

Đối với dự án CDM được đầu tư xây dựng và thực hiện theo hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 4 Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg, nếu nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức tư vấn xây dựng dự án CDM không có trụ sở đóng tại Việt Nam thì ngay từ khi triển khai xây dựng dự án, nhà đầu tư trong nước có trách nhiệm thoả thuận và thực hiện nộp thay lệ phí bán CERs cho các đối tác nước ngoài.

4.2. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có trách nhiệm thẩm định tờ khai nộp lệ phí của chủ sở hữu CERs, tổ chức thu, quản lý, sử dụng lệ phí bán CERs theo hướng dẫn tại Thông tư này. Trường hợp chủ sở hữu không thực hiện nộp lệ phí theo quy định hoặc số lệ phí do chủ sở hữu CERs tự kê khai không đúng với lượng CER bán hoặc chuyển về nước, Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam kiểm tra và ra thông báo số lệ phí phải nộp (theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này).

4.3.[7] *Lệ phí bán CERs được thu bằng ngoại tệ (chuyển đổi) hoặc thu bằng đồng Việt Nam trên cơ sở quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu lệ phí.*

---

[6] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 204/2010/TTLT-BTC-BTN&MT ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và môi trường sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư liên tịch số 58/2008/TTLT-BTC-BTN&MT ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 1 năm 2011.

[7] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 204/2010/TTLT-BTC-BTN&MT ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và môi trường sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư liên tịch số 58/2008/TTLT-BTC-BTN&MT ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 1 năm 2011.

5. Quản lý, sử dụng tiền lệ phí thu được

5.1. Lệ phí bán CERs là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được để lại toàn bộ cho Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam sử dụng chi cho các hoạt động sau:

5.1.1. Trang trải chi phí cho việc thu lệ phí.

5.1.2. Chi hỗ trợ cho các hoạt động phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức liên quan đến biến đổi khí hậu và CDM, bao gồm: Chi cho công tác thông tin, tuyên truyền liên quan đến biến đổi khí hậu và CDM trên các phương tiện thông tin đại chúng; chi biên soạn, in, phát hành tài liệu giới thiệu về Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, Nghị định thư Kyoto và các hướng dẫn của Ban chấp hành quốc tế về CDM; chi cho hội thảo, tập huấn, đào tạo và bồi dưỡng kiến thức liên quan đến biến đổi khí hậu và CDM; chi tổ chức các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ cho công tác thông tin, tuyên truyền.

5.1.3. Chi hỗ trợ cho việc xem xét, phê duyệt tài liệu dự án CDM, quản lý và giám sát thực hiện dự án CDM bao gồm:

- Chi cho các hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu và Nghị định thư Kyoto.

- Chi cho các hoạt động quản lý và giám sát thực hiện dự án CDM.

Mức chi cụ thể đối với các nội dung nêu tại điểm 5.1.2, điểm 5.1.3 được thực hiện theo các định mức, tiêu chuẩn chế độ có liên quan do Bộ Tài chính quy định; đối với các nội dung chưa có định mức, tiêu chuẩn chế độ, Thủ trưởng cơ quan được hỗ trợ kinh phí căn cứ vào điều kiện thực tế và kinh phí được hỗ trợ để quyết định mức chi và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Hàng năm, căn cứ vào yêu cầu của các nhiệm vụ: Phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức về CDM; xem xét, phê duyệt tài liệu dự án CDM; quản lý và giám sát thực hiện dự án CDM được giao và nguồn kinh phí đã được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước, cơ quan, tổ chức có liên quan phải lập dự toán gửi Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam xem xét hỗ trợ kinh phí.

5.1.4. Chi hỗ trợ xây dựng văn kiện thiết kế dự án CDM.

a. Điều kiện hỗ trợ:

- Thuộc Danh mục lĩnh vực xây dựng, đầu tư thực hiện dự án CDM quy định tại Điều 3 Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg và điểm 2 Mục II Thông tư này.

- Trong quá trình xây dựng văn kiện thiết kế dự án không có nguồn tài trợ khác.

- Văn kiện thiết kế dự án đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Thư phê duyệt.

- Nhà đầu tư có văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí kèm theo bản tổng hợp chi phí xây dựng văn kiện thiết kế dự án và các chứng từ chi có liên quan gửi Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

b. Mức hỗ trợ do Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam xem xét quyết định trong phạm vi nguồn thu từ lệ phí bán CERs nhưng tối đa không quá 30% chi phí thực tế xây dựng văn kiện thiết kế dự án.

5.2. Số tiền lệ phí bán CERs còn lại sau khi chi cho các hoạt động quy định tại điểm 5.1 Mục II Thông tư này được bổ sung vào vốn hoạt động của Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam.

5.3. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ quy định số tiền lệ phí bán CERs thu được, tiền thu từ bán CERs do nhà đầu tư thực hiện dự án CDM sử dụng nguồn vốn ODA nộp vào Quỹ, cuối năm nếu chưa sử dụng hết thì được chuyển sang năm sau để sử dụng theo quy định.

Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng và công khai việc thu và sử dụng lệ phí bán CERs không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

III. TRỢ GIÁ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN CDM

1. Đối tượng được trợ giá từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam là sản phẩm của các dự án CDM sau:

1.1. Điện được sản xuất từ năng lượng gió, mặt trời, địa nhiệt và thuỷ triều.

1.2. Điện được sản xuất từ thu hồi khí mêtan (CH_4) từ các bãi chôn lấp rác thải, từ các hầm khai thác than.

2. Điều kiện trợ giá:

2.1. Thuộc sản phẩm được trợ giá quy định tại điểm 1 Mục III Thông tư này.

2.2. Phương án giá sản phẩm được Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam thẩm định, có kết quả là chi phí sản xuất thực tế của sản phẩm lớn hơn giá bán theo hợp đồng.

2.3. Hợp đồng bán sản phẩm đã được ký kết và có hiệu lực, trong hợp đồng thể hiện rõ giá bán của sản phẩm.

2.4. Dự án đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Thư xác nhận hoặc Thư phê duyệt.

2.5. Nhà đầu tư có sản phẩm trợ giá có văn bản đề nghị trợ giá kèm theo hồ sơ hướng dẫn tại Khoản 5 Mục III Thông tư này gửi Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

3. Mức trợ giá cho một đơn vị sản phẩm

Mức trợ giá cho một đơn vị sản phẩm được xác định như sau:

Mức trợ giá 01 đơn vị sản phẩm	=	Chi phí thực tế sản xuất 01 đơn vị sản phẩm	+	Mức lợi nhuận kế hoạch/01 đơn vị sản phẩm	-	Giá bán thực tế của 01 đơn vị sản phẩm

Trong đó:

- Chí phí thực tế sản xuất ra 01 đơn vị sản phẩm là chi phí hợp lý, hợp lệ để xác định thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Lợi nhuận kế hoạch trên 01 đơn vị sản phẩm được xác định hàng năm, do nhà đầu tư xây dựng và gửi Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam thẩm định trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định. Việc xác định lợi nhuận kế hoạch phải căn cứ vào mức lợi nhuận sản xuất sản phẩm cùng loại và không vượt quá mức lợi nhuận bình quân sản xuất sản phẩm đó.

- Giá bán thực tế của sản phẩm là giá thực tế thanh toán.

Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam căn cứ vào kết quả thẩm định phương án giá, mức lợi nhuận kế hoạch đã được quyết định để xác định mức trợ giá đối với sản phẩm của từng dự án CDM, trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định mức trợ giá cho một đơn vị sản phẩm của từng dự án.

4. Số tiền trợ giá

Số tiền trợ giá hàng năm được xác định như sau:

Số tiền trợ giá hàng năm	=	Mức trợ giá cho 01 đơn vị sản phẩm trong năm	x	Số lượng sản phẩm bán trong năm	-	Thu nhập thực tế từ bán CERs được phân bổ trong năm (nếu có)

Trong đó, thu nhập thực tế từ bán CERs (nếu có) được phân bổ trong năm là tổng số tiền thu từ bán CERs (nếu có) trừ (-) lệ phí bán CERs phải nộp và các chi phí bán CERs (nếu có) được phân bổ trong năm.

5. Thời gian trợ giá được xác định căn cứ vào thời điểm dự án có sản phẩm; khả năng bù đắp chi phí sản xuất sản phẩm được trợ giá nhưng tối đa không quá thời gian khấu hao thực tế để thu hồi vốn của thiết bị chính để sản xuất sản phẩm được trợ giá.

6. Căn cứ kế hoạch sản xuất của dự án trong năm, hợp đồng mua bán sản phẩm được ký kết và mức trợ giá được được Hội đồng quản lý Quỹ quyết định, chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu Quý, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam tạm cấp tiền trợ giá cho nhà đầu tư có sản phẩm được trợ giá, tổng số tiền tạm cấp trong năm không vượt quá 70% số tiền trợ giá theo kế hoạch sản xuất năm; kết thúc năm tài chính, chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 của năm sau, nhà đầu tư phải quyết toán số tiền trợ giá được tạm cấp. Trường hợp số tiền tạm cấp còn thiếu, được cấp bổ sung; trường hợp số tiền tạm cấp lớn hơn số tiền được trợ giá

trong năm thì được để lại và trừ vào số tiền tạm cấp của Quý I năm sau nếu vẫn trong thời gian được trợ giá, trường hợp đã hết thời gian trợ giá thì phải nộp lại Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

7. Hồ sơ trợ giá

Hồ sơ trợ giá gồm:

- Văn bản đề nghị trợ giá.

- Bản sao có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về Chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận đã được Ban chấp hành quốc tế về CDM cấp (nếu có) hoặc Thư xác nhận hoặc Thư phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hợp đồng mua bán sản phẩm được trợ giá.

- Bản tính toán và thuyết minh về lợi nhuận kế hoạch.

- Phương án giá với các nội dung cụ thể như sau:

+ Tên sản phẩm được trợ giá.

+ Bản tổng hợp chi phí thực tế sản xuất ra sản phẩm, giá bán của sản phẩm được trợ giá.

+ Bản thuyết minh về thời gian dự kiến để dự án có thể bù đắp được chi phí sản xuất.

+ Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

8. Nguồn kinh phí thực hiện trợ giá đối với sản phẩm của dự án CDM được lấy từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

9. Tiền trợ giá phải sử dụng đúng mục đích để bù đắp chi phí sản xuất sản phẩm được trợ giá của dự án.

Việc quyết toán tiền trợ giá được thực hiện theo quy định hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN[8]

1. Nhà đầu tư xây dựng và thực hiện dự án CDM có trách nhiệm nộp lệ phí bán CERs theo quy định tại Thông tư này, trường hợp vi phạm sẽ bị xử phạt

---

[8] Điều 2 Thông tư liên tịch số 204/2010/TTLT-BTC-BTN&MT của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và môi trường sửa đổi, bổ sung một số nội dung của thông tư liên tịch số 58/2008/TTLT-BTC-BTN&MT ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2011 quy định như sau:

"***Điều 2. Điều khoản thi hành***

Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu, giải quyết./."

vi phạm hành chính theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí.

2. Đối với các dự án CDM đã được Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam hỗ trợ kinh phí xây dựng văn kiện thiết kế dự án theo quy định tại điểm 5.1.4 Mục II Thông tư này mà không được tiếp tục thực hiện do lỗi chủ quan của các bên thì nhà đầu tư nhận hỗ trợ phải hoàn trả toàn bộ kinh phí đã được hỗ trợ.

3. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Trường hợp nhà đầu tư xây dựng và thực hiện dự án CDM được cấp và bán CERs hoặc chuyển CERs về nước trước thời điểm Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành thì không phải nộp lệ phí bán CERs nhưng vẫn báo cáo với Bộ Tài nguyên và Môi trường và đăng ký CERs được cấp với Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Quyết định 130/2007/QĐ-TTg để theo dõi, quản lý và được trợ giá nếu đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Khoản 2 Mục III Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường để kịp thời giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 22/VBHN-BTC

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, PC (66)

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2014

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trương Chí Trung

Mẫu số 01:

TÊN ĐƠN VỊ NỘP LỆ PHÍ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TỜ KHAI NỘP LỆ PHÍ BÁN CERs
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 58/2008/TTLT-BTC-BTM&MT ngày 04 tháng 7 năm 2008)

Kính gửi: Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

- Tên đơn vị nộp lệ phí: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... Fax: .....
- Tài khoản số: ..... Tại Ngân hàng: .....

1. Lĩnh vực xây dựng,đầu tư thực hiện dự án: .....
2. Tổng lượng CER được cấp cho dự án: .....
3. Lượng CERs được phân chia: .....
4. Lượng CER bán/chuyển về nước: .....
5. Giá bán CER: .....
6. Mức thu lệ phí: .....
7. Số lệ phí bán CERs phải nộp:

Số lượng CER phải nộp lệ phí	Giá CER		Mức thu	Số tiền (*đồng*)
	Giá bán theo hợp đồng	Giá trị CER chuyển về nước		

Số tiền lệ phí bán CERs phải nộp (*viết bằng chữ*).....

....., ngày ... tháng ... năm .....
TM. ĐƠN VỊ
(*Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

Mẫu số 02

QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ..... /TB-QBVMTVN

THÔNG BÁO NỘP LỆ PHÍ BÁN CERs
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 58/2008/TTLT-BTC-BTM&MT ngày 04 tháng 7 năm 2008)
(*Lần thông báo số .....*)

Kính gửi: ..... (Tên chủ sở hữu CERs)
Địa chỉ: .....

Căn cứ Tờ khai và kết quả thẩm định mức lệ phí bán CERs phải nộp của đơn vị, ngày ... tháng... năm ... đơn vị đã thực hiện bán/chuyển ...CER (ghi số lượng cụ thể), Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam thông báo số tiền lệ phí bán CERs phải nộp như sau:

Số lượng CER phải nộp lệ phí	Giá CER		Mức thu	Số tiền (*đồng*)
	Giá bán theo hợp đồng	Giá trị CER chuyển về nước		

Số tiền lệ phí bán CERs phải nộp (*viết bằng chữ*).....

Yêu cầu đơn vị nộp số tiền theo thông báo trên đây vào tài khoản số ..... của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam mở tại .....

Hạn nộp trước ngày ..... tháng ..... năm .....

....., ngày ... tháng ... năm .....
GIÁM ĐỐC
(*Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)